



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I  
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc  
Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099  
Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT230721

### 1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt     Nước biển     Nước thải     Nước nuôi     Động vật  
trồng thủy sản    thủy sản  
 Sản phẩm     Đất     Bùn     Trầm tích     Khác  
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: 21/7/2023

Ngày nhận mẫu: 21/7/2023

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: 21-24/7/2023

**Bảng 1: Địa điểm thu mẫu**

TT	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
<b>Nguồn cấp</b>		
1.	Kỳ Ninh (Hói Lỗ)	NC Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thư (Ngọn Rào)	NC Kỳ Thư
3.	Cắm Lọc (Bãi Rào)	NC-CL
4.	Thạch Hạ (Đồng ghè)	NC Thạch Hạ
5.	Đan Trường	NC Đan Trường
6.	Thạch Châu	NC Thạch Châu
7.	Đỉnh Bàn	NC Đỉnh Bàn

**Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	HD.H.01
2.	TSS	HD.H.07; SMEWW 2540D:2017
3.	COD	HD.H.18; SMEWW5220 C:2017
4.	H <sub>2</sub> S	HD.H.37; SMEWW 4500-S <sub>2</sub> -B,D:2017
5.	Mật độ tảo, thành phần tảo độc	HD.H.35; SMEWW 10200 F:2017



## 2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

**Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa**

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> *	COD*	H <sub>2</sub> S*	TSS*
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
NC Kỳ Ninh	30	7,5	4	45	27	107,4	0,073	1,28	0,000	37,5
NC Kỳ Thu	30	8,5	4	40	8	107,4	0,289	4,32	0,000	30,0
NC Cẩm Lộc	30	<b>6,9</b>	3,5	35	17	71,6	0,259	4,16	0,000	22,5
NC Thạch Hạ	29	8,0	4	55	24	89,5	0,089	1,76	0,000	30,5
NC Đan Trường	29	8,2	4	45	27	89,5	0,159	2,72	0,000	32,5
NC Thạch Châu	29	8,5	4	40	30	89,5	0,010	5,12	0,001	<b>260,0</b>
NC Đinh Bàn	29	8,0	4	45	26	89,5	0,117	4,48	0,000	45,5
<b>Quy chuẩn tham chiếu</b>	<b>18-33<sup>b</sup></b>	<b>7-9<sup>b</sup></b>	<b>≥3,5<sup>b</sup></b>	<b>20-50<sup>b</sup></b>	<b>5-35<sup>b</sup></b>	<b>60-180<sup>b</sup></b>	<b>&lt;0,3<sup>c</sup></b>	<b>&lt;10<sup>c</sup></b>	<b>&lt;0,05<sup>b</sup></b>	<b>&lt;50<sup>a</sup></b>

**Ghi chú:**

- **Ký hiệu (\*)**: QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b)**: QCVN 02-19:2014/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Ký hiệu (c)**: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (\*)**: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Dấu (\*\*\*)**: Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

**Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc**

Điểm quan trắc	Mật độ tảo (tế bào/lít)*					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc	Mật độ tảo độc (tb/l)
	Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt			
NC Kỳ Ninh	0	5.622	0	0	489	6.111	<i>Pseudonitzschia</i> sp.	978
NC Kỳ Thu	0	867	0	289	144	1.300	KPH	0
NC Cẩm Lộc	0	1.244	10.667	0	7111	19.022	KPH	0
NC Thạch Hạ	0	2.400	0	0	200	2.600	KPH	0
NC Đan Trường	0	389	0	0	78	467	KPH	0
NC Thạch Châu	14.667	0	25.348.889	0	0	<b>25.363.556</b>	KPH	0
NC Đỉnh Bàn	0	16.000	1.333	333	0	17.666	KPH	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

### 3. NHẬN XÉT

- Ngoại trừ Nguồn cấp Cẩm Lộc có pH = 6,9 thấp hơn GHCP (7-9). Các chỉ tiêu phân tích gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ kiềm, độ mặn, COD, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> và H<sub>2</sub>S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
- Hàm lượng TSS tại điểm Nguồn cấp Thạch Châu cao vượt giới hạn cho phép 5,2 lần theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT.
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc Nguồn cấp dao động từ 467 – 25.363.556 tế bào/lít. Trong đó, Nguồn cấp tại Thạch Châu có mật độ cao nhất (25.363.556 tế bào/lít), kế đến là Cẩm Lộc (19.022 tế bào/lít), Đỉnh Bàn (17.666 tế bào/lít), Kỳ Ninh (6.111 tế bào/lít), Thạch Hạ (2.600 tế bào/lít), Kỳ Thu (1.300 tế bào/lít). Nguồn cấp tại Đan Trường có mật độ thấp nhất 467 tế bào/lít.
- Phát hiện tảo độc *Pseudonitzschia* sp. tại điểm Nguồn cấp Kỳ Ninh với mật độ 978 tế bào/lít.

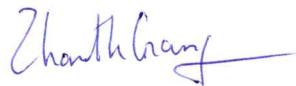


#### 4. KHUYẾN CÁO

- Các hộ nuôi cần thường xuyên theo dõi chất lượng nước nguồn cấp để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.
- Đối với nguồn cấp tại Cẩm Lộc, cần điều chỉnh pH về giá trị phù hợp trước khi cấp vào ao nuôi.
- Đối với nguồn nước cấp tại Thạch Châu: Các cơ sở nuôi cần lấy nước qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc  $\leq 200 \mu\text{m}$ ) ở thời điểm đỉnh triều để giảm hàm lượng TSS vào ao lắng. Sử dụng các hóa chất được phép lưu hành trên thị trường để khử trùng nước (Chlorine 10-20 ppm).

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2023

**Trưởng Phòng**



**Phạm Thái Giang**

**Lãnh đạo đơn vị**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Đức Bình*